



Ngân hàng Phát triển Việt Nam

The Vietnam Development Bank

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007

ANNUAL REPORT 2007



MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007 CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM:	05
CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO:	07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:	08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:	09
CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH:	09
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM:	34

INDEX

STATEMENT OF BOARD OF DIRECTORS:	18
AUDITOR'S REPORT ON THE REVIEW ON THE FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 2007 OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK:	21
PRINCIPLES FOR FINANCIAL STATEMENTS OF VDB:	23
BALANCE SHEETS:	24
STATEMENTS OF OPERATIONS:	25
NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS:	25
ORGANIZATION CHART:	34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

Khái quát về Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 05 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Hỗ trợ Phát triển. Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định 108/2006/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng Việt Nam)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 25A Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 84-04.7.365.659 7.365.671

Fax: 84-04 7.365.672

Website: <http://www.vdb.gov.vn>

Các đơn vị trực thuộc, gồm:

- Văn phòng đại diện (tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Ban quản lý các dự án đầu tư
- 02 Sở Giao dịch (Sở Giao dịch I tại TP. Hà Nội, Sở Giao dịch II tại TP. Hồ Chí Minh);
- 60 chi nhánh tại các tỉnh, thành phố.

Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển:

- Huy động, tiếp nhận vốn của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.
- Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển: Cho vay đầu tư phát triển; Hỗ trợ sau đầu tư; Bảo lãnh tín dụng đầu tư.
- Thực hiện chính sách tín dụng xuất khẩu: Cho vay xuất khẩu; Bảo lãnh tín dụng xuất khẩu; Bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu.
- Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn ODA được Chính phủ cho vay lại; nhận ủy thác, cấp phát cho vay đầu tư và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Ngân hàng Phát triển với các tổ chức ủy thác.
- Ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện nghiệp vụ tín dụng của Ngân hàng Phát triển.
- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế phục vụ cho các hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất



khẩu.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Ngân hàng được trình bày trong Báo cáo tài chính.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản lý và Ban điều hành

Thành viên Hội đồng quản lý, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản lý

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Đức Kháng | Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Chuân | Ủy viên kiêm Trưởng Ban Kiểm soát |
| 4. Ông Trần Xuân Hà | Thứ trưởng Bộ Tài chính - Ủy viên |
| 5. Ông Đặng Thanh Bình | Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy viên |
| 6. Ông Trương Văn Đoàn | Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy viên |

Ban Kiểm soát

- | | |
|---------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Chuân | Ủy viên Hội đồng quản lý - Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Công Nam | Phó Trưởng ban |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|--------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Lại Văn Đạo | Phó Tổng Giám đốc thường trực |
| 3. Bà Đào Dung Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Đào Văn Chiến | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Đào Ngọc Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. Ông Nguyễn Chí Trang | Phó Tổng Giám đốc |

Trưởng ban Tài chính Kế toán - Kho quỹ

Ông Nguyễn Chính Tuấn

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chính sách kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các quy định về hệ thống Báo cáo tài chính Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã ban hành theo Quyết định 606/QĐ-NHPT ngày 09 tháng 12 năm 2006 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán và Báo cáo tài chính Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã được chấp thuận tại công văn số 15192/BTC-CDKT ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Danh mục tài khoản kế toán và biểu mẫu Báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Ngân hàng, đồng thời phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Quyết định 606/QĐ-NHPT ngày 09 tháng 12 năm 2006 của Ngân hàng đã được chấp thuận tại công văn số 15192/BTC-CDKT ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2007 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, được lập ngày 25 tháng 7 năm 2008.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Phạm vi kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2006 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã được kiểm toán bởi cơ quan Kiểm toán Nhà nước. Việc điều chỉnh số liệu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước được thực hiện trong năm 2007 và không điều chỉnh số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động năm 2007.

Theo chỉ định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chúng tôi chỉ thực hiện kiểm toán Hội sở chính và 35 trong số 64 đơn vị trực thuộc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Tỷ trọng các chỉ tiêu chủ yếu được kiểm toán thể hiện tại Phụ lục số 05. Ý kiến của Kiểm toán viên dựa vào kết quả kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán không bao gồm ảnh hưởng của những sai sót (nếu có) của các đơn vị chưa được kiểm toán tới Báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Do Hợp đồng kiểm toán được ký kết sau ngày kết thúc năm tài chính nên Kiểm toán viên không chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, giấy tờ có giá, tài sản cố định, tài sản đảm bảo nợ vay tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Văn phòng và các đơn vị trực thuộc cũng như không thể áp dụng các phương pháp kiểm toán thay thế khác để xác định số lượng, tình trạng và giá trị thực tế của tiền mặt tồn quỹ, tài sản cố định, các tài sản đảm bảo nợ vay tại thời điểm nói trên.

Các khoản thu nhập, chi phí lãi đang được ghi nhận theo nguyên tắc thực thu, thực chi.

Số dư các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa Hội sở chính và các đơn vị trực thuộc chưa được loại trừ hoàn toàn do còn có sự chênh lệch. Các khoản chênh lệch này được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như các khoản công nợ phải thu, phải trả các đối tượng bên ngoài.

Số dư các tài khoản tiền, nhận vốn, cho vay và công nợ có gốc ngoại tệ từ nguồn vốn ODA không được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản thu nhập và chi phí cho vay vốn nội bộ giữa Hội sở chính và các đơn vị trực thuộc liên quan đến hoạt động cho vay thí điểm (số tiền: 7.738.603.237 đồng) chưa được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Ngân hàng.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở tổng hợp đối ứng các tài khoản tiền. Tổng luồng tiền phản ánh trên báo cáo này phù hợp với thực tế phát sinh. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu không phản ánh đúng luồng lưu chuyển tiền thực tế do có một số nghiệp vụ phát sinh không hạch toán theo đúng qui trình hạch toán hoặc một số nghiệp vụ phát sinh được hạch toán bù trừ.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của phạm vi kiểm toán và những vấn đề hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2007 phù hợp với mẫu biểu báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam ban hành kèm theo công văn số 15192/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Danh mục tài khoản kế toán và biểu mẫu BCTC của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc phân loại nợ vay của bộ phận tín dụng Ngân hàng Phát triển đang thực hiện theo 4 nhóm: Dư nợ bình thường, dư nợ có khó khăn tạm thời, dư nợ khó thu và dư nợ không có khả năng thu hồi theo văn bản số 2288/HTPT-TTXLN ngày 12 tháng 9 năm 2005 về việc hướng dẫn phân loại nợ của Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển.



CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Trong niên độ kế toán 2006, Ngân hàng Phát triển Việt Nam áp dụng chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 78/2003/QĐ-BTC ngày 29/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong niên độ kế toán 2007, Ngân hàng Phát triển Việt Nam áp dụng hệ thống tài khoản kế toán và Báo cáo tài chính ban hành theo Quyết định số 606/QĐ-NHPT ngày 09/12/2006 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn 15192/BTC-CDKT ngày 01/12/2006, hệ thống chứng từ kế toán và sổ kế toán ban hành theo Quyết định số 78/2003/QĐ-BTC ngày 29/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đồng tiền hạch toán: đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tương ứng với từng nghiệp vụ. Kế toán theo dõi nguyên tệ được phản ánh duy nhất trên tài khoản ngoại bằng bao gồm: Ngoại tệ hiện có, ngoại tệ vốn ODA Chi nhánh đã cho vay, ngoại tệ vốn ODA chủ đầu tư chưa nhận nợ, ngoại tệ vốn ODA chủ đầu tư nhận nợ trước...

Số dư tiền gửi ngoại tệ cuối mỗi tháng được đánh giá lại theo tỷ giá ngoại tệ được Bộ Tài chính thông báo hàng tháng.

4. Phương pháp hạch toán kế toán: kết hợp giữa kế toán dồn tích và kế toán theo dòng tiền.

Thu nhập từ lãi cho vay hạch toán theo phương pháp thực thu, chi phí lãi vay/ huy động vốn phải trả hạch toán theo phương pháp thực chi (kế toán theo dòng tiền).

Đối với các phần hành kế toán khác, tuân thủ phương pháp kế toán dồn tích.

5. Phương pháp kế toán tài sản cố định:

Tài sản cố định được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

6. Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2006	2007
A - TÀI SẢN			
Tiền mặt	1	5.999	9.672
Tiền gửi	2	13.426.148	18.997.129
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	3	96.196.730	110.373.909
Các khoản phải thu	4	5.212.277	4.649.041
Tài sản cố định	5	333.806	534.206
Tài sản có khác	6	60.250	476.682
Tổng tài sản		115.235.210	135.040.639
B – NGUỒN VỐN			
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	7	1.428.608	271.909
Tiền gửi của TCKT, khách hàng	8	5.594.776	4.312.591
Vay NSNN, TCTC, TCTD	9	23.193.210	17.316.350
Vốn uỷ thác đầu	10	49.266.881	53.178.770
Phát hành giấy tờ có giá	11	25.753.000	49.588.000
Các khoản phải trả, phải nộp	12	2.035.282	2.201.976
Tài sản Nợ khác	13	760.340	792.659
Vốn của NHPT	14	5.387.927	5.782.332
Quỹ của NHPT	15	1.016.952	880.114
Kết quả hoạt động chưa phân phối	16	798.234	715.938
Tổng Nguồn vốn		115.235.210	135.040.639



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2006	2007
Thu lãi cho vay	17	1.866.580	2.489.526
Thu lãi tiền gửi	18	690.061	1.657.654
Thu ngoài lãi	19	1.905.776	1.202.760
Tổng thu nhập		4.462.417	5.349.940
Chi trả lãi tiền vay	20	1.618.999	1.637.993
Chi trả lãi tiền gửi	21	497.066	515.812
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	22	1.486.949	2.298.024
Chi ngoài lãi	23	404.783	626.200
Tổng chi phí		4.007.797	5.078.029
Chênh lệch thu - chi		454.620	271.911

CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH

1. Tiền mặt

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tiền mặt	5.999	9.672
Tiền mặt tại quỹ	5.999	9.672

2. Tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tiền gửi	13.426.148	18.997.129
Tiền gửi tại NHNN	20.108	110.630
Tiền gửi tại các TCTD	13.406.040	18.886.499
+ Tiền gửi không kỳ hạn	2.956.283	4.388.026
+ Tiền gửi có kỳ hạn	10.449.757	14.498.473

3.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	96.196.730	110.373.909
Cho vay NHHTXK	2.384.026	3.200.404
Trong đó:		
+ Quá hạn	103.088	45.352
+ Khoanh nợ	0	-
Cho vay chương trình đặc biệt của Chính phủ	1.632.974	3.776.056
Trong đó:		
+ Quá hạn	0	1.000
+ Khoanh nợ	0	-
Cho vay trung, dài hạn tín dụng đầu tư	44.370.434	51.527.521
Trong đó:		
+ Quá hạn	3.286.365	3.085.943
+ Khoanh nợ	353.024	1.499.936
Cho vay nhà nhập khẩu	0	0
Trong đó:		
+ Quá hạn	0	0
+ Khoanh nợ	0	0
Cho vay lại vốn ODA	44.760.591	50.802.981
Trong đó:		
+ Quá hạn	193.481	275.974
+ Khoanh nợ	2.865	0
Cho vay uỷ thác (*)	2.995.476	-
Trong đó:		
+ Quá hạn	94.284	-
+ Khoanh nợ	6.849	-
Cho vay khác	53.229	1.066.947
Trong đó:		



DVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
+ Quá hạn	3.229	1.561
+ Khoanh nợ	0	0
Bảo lãnh, tái bảo lãnh	0	0
Nợ vay chờ xử lý	0	0

(*): Năm 2007, dư nợ cho vay ủy thác được phản ánh bên nguồn vốn (ghi âm).

4.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Các khoản phải thu	5.212.277	4.649.041
Nợ phải thu	1.244.836	1.031.752
+ Chờ NSNN cấp bù CLLS & phí QL	1.077.079	971.661
+ Phải thu khác	161.260	48.086
+ Tạm ứng	6.497	12.005
Phải thu trong hoạt động thanh toán (gồm: số chờ ghi thu ghi chi, số trả Bộ Tài chính vốn ODA chưa tất toán...)	3.967.441	3.617.289

5.

DVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tài sản cố định	333.806	534.206
Tài sản cố định hữu hình	246.481	233.902
Nguyên giá	453.528	468.766
Hao mòn lũy kế	-207.047	-234.864
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
Nguyên giá	0	0
Hao mòn lũy kế	0	0

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tài sản cố định vô hình	87.325	300.304
Nguyên giá	94.423	308.537
Hao mòn lũy kế	-7.098	-8.233

6.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tài sản Có khác	60.250	476.682
+ Đầu tư tài chính	3.000	3.000
+ Vật liệu, dụng cụ	77	84
+ Chi phí XDCB DD	56.691	237.641
+ Chi phí trả trước	482	957
+ Góp vốn liên doanh	0	235.000

7.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	1.428.608	271.909
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng VNĐ	1.428.608	271.909
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng ngoại tệ	0	0

8.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tiền gửi của khách hàng	5.594.776	4.312.591
Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn của khách hàng	5.594.776	4.233.580
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng VNĐ	5.594.776	4.233.580
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	0	0
+ Tiền gửi của khách hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	0	0
Tiền gửi ký quỹ (*)	-	79.011

(*): Năm 2006 được phản ánh tại chỉ tiêu tài sản Nợ khác



9.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Vay NSNN, TCTC, TCTD	23.193.210	17.316.350
Vay NSNN	7.307.340	4.643.289
Vay TCTC, TCTD trong nước	15.885.870	12.673.061
Vay TCTC, TCTD ở nước ngoài	0	0

10.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Vốn uỷ thác đầu tư	49.266.881	53.178.770
Nhận vốn ODA cho vay lại	48.415.143	54.349.107
Chênh lệch tỷ giá vốn ODA	303.902	375.644
Vốn uỷ thác HTSDT	-120.124	-5.168
+ Vốn được uỷ thác	253.321	478.945
+ Cấp HTSDT	-373.445	-484.113
Vốn uỷ thác cấp phát	102.826	-138.669
+ Vốn được uỷ thác	17.234.901	18.354.391
+ Cấp phát uỷ thác	-17.132.075	-18.493.060
Vốn uỷ thác cho vay (*)	565.134	-1.402.144
+ Vốn được uỷ thác	-	8.914.580
+ Cho vay uỷ thác	-	-10.316.724

(*): Năm 2006 phản ánh dư nợ cho vay uỷ thác bên tài sản.

11.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Phát hành giấy tờ có giá	25.753.000	49.588.000
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng VNĐ</i>	<i>25.753.000</i>	<i>49.588.000</i>

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Mệnh giá trái phiếu	25.753.000	49.588.000
Phụ trội trái phiếu	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng ngoại tệ</i>	0	0
Mệnh giá trái phiếu	0	0
Phụ trội trái phiếu	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0

12.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Các khoản phải trả, phải nộp	2.035.282	2.201.976
Nợ phải trả	2.012.474	2.197.614
+ Phải trả lãi tiền gửi, tiền vay, lãi trái phiếu	0	0
+ Phải trả lãi, phí vốn nhận uỷ thác cho vay	2.745	2.082.773
+ Phải trả người bán	2.726	3.952
+ Phải trả CBVC	70.762	71.228
+ Phải nộp Nhà nước (gồm: vốn ODA chưa đến kỳ trả Bộ Tài chính, phải nộp nhà nước khác)	1.919.199	1.326
+ Phải trả, phải nộp khác	17.042	38.335
Phải trả trong hoạt động thanh toán	22.808	4.362

13.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tài sản Nợ khác	760.340	792.659
+ Tiền tạm giữ chờ thanh toán	163.626	28.095
+ Quỹ DPRR	473.118	668.765



ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
+ Quỹ DP trợ cấp mất việc làm	-	56.266
+ Tiền gửi ký quỹ (*)	123.596	-
+ Tài sản nợ khác	-	39.532

(*): Năm 2007 được phản ánh tại chỉ tiêu tiền gửi của khách hàng

14.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Vốn của NHPT	5.387.927	5.782.332
Vốn điều lệ	5.006.878	5.148.369
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10.110	19.610
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	370.939	614.354

15.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Quỹ của NHPT	1.016.952	880.114
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	927.053	880.114
Quỹ khác (*)	89.899	-

(*): Năm 2007, quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được phản ánh tại chỉ tiêu tài sản Nợ khác.

16.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Kết quả hoạt động chưa phân phối	798.234	715.938
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ trước	343.614	466.026
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ này	454.620	249.911

17.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Thu lãi cho vay	1.866.580	2.489.526
Thu lãi cho vay HTXK ngắn hạn	157.573	133.395
Thu lãi cho vay trung dài hạn tín dụng đầu tư	1.675.290	2.193.467
Thu lãi cho vay chương trình đặc biệt của Chính phủ	22.726	39.802
Thu lãi cho vay khác	10.991	122.862

18.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Thu lãi tiền gửi	690.061	1.657.654
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	116.677	62.039
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	573.384	1.595.615

19.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tổng thu ngoài lãi	1.905.776	1.202.760
Thu cấp bù CLLS và phí quản lý (*)	1.586.475	1.064.017
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	90	50
Thu phí dịch vụ thanh toán	1.616	2.841
Thu phí dịch vụ ngân quỹ	0	0
Thu từ nghiệp vụ uỷ thác	303.865	113.650
Thu từ các dịch vụ khác	0	2.825
Các khoản thu nhập khác	13.730	19.377

(*) Không bao gồm phí quản lý vốn ODA



20.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Chi trả lãi tiền vay	1.618.999	1.637.993
Chi trả lãi tiền vay ngắn hạn	247.828	232.925
Chi trả lãi tiền vay trung và dài hạn	1.370.145	1.405.068
Chi trả lãi vay phí cam kết DN vừa và nhỏ	1.026	-

21.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Chi trả lãi tiền gửi	497.066	515.812
Chi trả lãi tiền gửi KKH vốn huy động	42.082	26.979
Chi trả lãi tiền gửi KKH vốn khác	5.439	7.968
Chi trả lãi tiền gửi CKH vốn huy động	449.545	480.865
Chi trả lãi tiền gửi CKH vốn khác	0	0

22.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.486.949	2.298.024
Chi trả lãi trái phiếu	1.486.949	2.298.024

23.

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2006	2007
Tổng chi phí ngoài lãi	404.783	626.200
Chi khác về huy động vốn	19.760	35.477
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	3.564	959
Chi nộp thuế, phí, lệ phí	0	331
Chi hoạt động khác	449	8.787
Chi phí cho nhân viên	169.025	203.741
Chi hoạt động quản lý và công vụ	73.057	86.657
Chi khấu hao TSCĐ	35.986	36.502
Chi dự phòng	100.755	253.090
Chi phí khác	2.187	656



STATEMENT OF BOARD OF DIRECTORS

Board of Director of the Vietnam Development Bank presents this report together with Financial Statements for the accounting period from 01 January to 31 December 2007.

Overview of VDB

VDB is set up by Prime Minister's Decision No.108/2006/QĐ-TTg dated 19 May 2006 to establish the Vietnam Development Bank (VDB) on the basis of re-organizing the Development Assistance Fund. Operation term of VDB is 99 years since the effective date of the Decision 108/2006/QĐ-TTg.

Registered capital: 10,000 billions VND (ten trillions VND)

- Head office: No. 25A Cat Linh str., Hanoi
- Tel: +84 3 7365661
- Fax: +84 3 7365735
- Website: <http://www.vdb.gov.vn>

VDB's subordinates:

- Representative Office (in Hochiminh city)
- Department for Investment projects management
- 02 Operation centers (Operation Center I in Hanoi and Operation Center II in Hochiminh city)
- 60 branches in provinces and cities

Functions and missions of the Bank:

- Mobilizing and receiving funds from domestic and foreign organizations for the implementation of the State's development investment assistance and export credit policies conforming to regulations of the Government;
- Implementing development investment assistance policy: Investment lending; Post-investment subsidy; Credit guarantee;
- Export credit: Export lending; Issuing guarantee for export credit; Issuing bid bonds and performance bonds for export contracts;
- Managing ODA on-lending funds delegated by the Government; and receiving trust funds for grants and/or investment lending and collecting debts from clients in accordance to the signed entrusted contracts between the Bank and domestic and foreign institutions;
- Entrusting to financial/credit institutions to carry out credit functional activities of the Bank;



- Providing settlement service to clients and taking part in the domestic and international interbank settlement systems in order to execute every operational activities of the Bank in conformity with the laws;
- Undertaking other tasks as assigned by the Prime Minister.

Financial status and operation performance

The financial status as of December 31, 2007, the operation statement and the cash-flow report of the Bank have been presented in the financial statements attached to this Statement.

Subsequent events

Board of Director of the Bank ensure that there have been no events from December 31, 2007 to the date of this report which need to make adjustments on the figures or the disclosures in the financial statements.

The Board of Management and Board of Directors

The members of the Board of Management, Board of Director and the Control Board of the Bank during the year and as of the date of this report include:

The Board of Management

1. Mr. Nguyen Duc Khang Chairman
2. Mr. Nguyen Quang Dung Vice Chairman cum General Director
3. Ms. Nguyen Thanh Chuan Chief of the Supervision Board - Member
4. Mr. Tran Xuan Ha Vice Minister of MOF - Member
5. Mr. Dang Thanh Binh Vice Governor of the State Bank of Vietnam - Member
6. Mr. Truong Van Doan Vice Minister of MPI - Member

The Supervision Board

1. Mr. Nguyen Thanh Chuan Chief
2. Mr. Nguyen Cong Nam Vice Chief

Board of Director

1. Mr. Nguyen Quang Dung General Director
2. Mr. Lai Van Dao Deputy General Director
3. Ms. Dao Dung Anh Deputy General Director
4. Mr. Dao Van Chien Deputy General Director
5. Mr. Dao Ngoc Thang Deputy General Director
6. Mr. Nguyen Chi Trang Deputy General Director



Director of Finance & Accounting Dept.

Mr. Nguyen Chinh Tuan

Auditor

Auditing and Consulting Joint Stock Company (A&C) has performed the review on these interim financial statements and A&C has expressed their willingness to be appointed as the company's external auditor to conduct the audit on the financial statements for the fiscal year 2007 of the Bank

Assurance of Board of Directors

Board of Directors of the Bank is responsible for the preparation of the financial statements to give a true and fair view on the financial position and the operation results of the Bank in the period. In order to prepare these financial statements, Board of Director must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- announce the accounting standards to be followed for the material issues to be disclosed and explained in the financial statements; and
- prepare the financial statements of the company on the basis of the going-concern assumption.

Board of Directors hereby assure that all the requirements above have been followed when the financial statements are prepared, that all the accounting books have been fully recorded by the company and can fairly reflect the financial position of the Bank at any time, and that all the financial statements have been prepared in compliance with the registered accounting system.

Board of Directors is also responsible for protecting the Bank's assets and consequently taking appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

Board of Director of the Bank assure that all the accompanying financial statements have been properly prepared and have given a true and fair view on the financial status, operation performance and cash flow as of Dec 31, 2007, and these statements are in compliance with the registered accounting system & standards as well as other related regulations.



AUDITOR'S REPORT ON THE REVIEW ON THE FINANCIAL STATEMENTS FOR THE 2007 OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK

To: BOARD OF MANAGEMENT
BOARD OF DIRECTORS OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK

We have reviewed the financial statements including the balance sheet, statement of operation, cash flow statement and note to the financial statements of 2007, which were prepared on July 25, 2008.

The preparation and the presentation of this financial statement is the responsibility of the Board of Directors of Vietnam Development Bank (VDB). Auditor's responsibility is to issue opinion on this statements base on our review.

Audit background

We have conducted the review on the financial statements in accordance the Vietnamese Auditing Standard regarding the review on financial statement. This standard requires that we have a plan and perform the review to obtain a reasonable assurance that the financial statements are free from material mistakes.

An audit includes examining, on necessary tests, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statement. An audit also includes to review conforming the Standard and the Current Accounting Regulation; Accounting principles and accounting methods used, significant estimates made by the General Director as well as evaluation of the overall the financial statement presentation. We believe that auditing has been supplying necessary information for issuing option of auditors.

Audit scope

The financial statement of 2006 of VDB was audited by the State Audit of Vietnam (SAV). A data adjustment as requested in SAV's Audit Report was made in 2007 and no adjustment was made on beginning data of Balance Sheet and data of last year in Statement of Operation of 2007.

As agreement with VDB, we have audited over Head Office and 35/64 branches of VDB. Density of figures was audited and presented at Annex 05. Opinion of auditor is base on audit's result of audited branches, it didn't involve influence of mistake (if any) of un-audited branches to the Financial Statement of VDB.

Review limitation

Auditing Contract was signed after fiscal year finished so that auditor wasn't seeing cash



inventory, valuable paper, fixed-asset, loan security assets on December, 31 2007 at Office of VDB and branches, auditor as well as couldn't applied alternative audit method in order to defined: quantity, condition, and actual value of inventory cash, fixed-asset, loan security assets the said timing.

Incomes, interest expenses have been recorded in accordance with actual receipt and payment principle.

Out of standing internal receivables, payables between the Head Office and branches are not set out due to discrepancy. This discrepancy is reflected in Balance Sheet as receivable and payable of customers.

Deposits, capitals, loans, and debts were originated by ODA sources, are not re-assessed on basis of the inter-bank average exchange rate of State Bank of Vietnam issued at the time of the Financial Statement made.

Internal incomes and loan expenses between Head Office and branches related to pilot loan program (amount: 7,738,603,237 Vietnam dong) was not eliminated while made the consolidated financial statement.

Cash flow statement was made by base on summary cash account respectively. Total of cash flow of this report is suitable with actual arising. However, some of showings weren't exactly reflected actual cash flow because of some of arisen transactions were not entered in the accounts accurately or some of transactions were posted by clearing

Auditor's opinion

On the basis our review, except for impacts of the above limitations, the Financial Statement was a righteous reflecting and reasonableness of essential aspect of financial situation of VDB on December, 31 2007; the Statement of Operation and the cash flow of 2007 is suitable with financial report sample of VDB it's attached with document no 1519/BTC-CĐKT issued on December, 1 2006 of Ministry of Finance on acceptance list of accounting accounts and Financial Statement sample of VDB.

Non-denied the above opinions, we would note the viewer this financial report that VDB's loans are classified in 4 categories: standard, sub-standard, doubtful, possibly irrecoverable following the document no: 2288/HTPT-TTXLN dated on September, 12 2005 of General Director of Development Assistance Fund instructing classification of debts



PRINCIPLES FOR FINANCIAL STATEMENTS OF VDB

1. Accounting system

For the accounting period of 2006, the accounting system of the Bank in use is based on the Decision No.78/2003/QD-BTC dated 29 May 2003 issued by the Ministry of Finance.

For the accounting period of 2007, the accounting system and the financial statements of the Bank are prepared in accordance with the Decision No.606/QD-NHPT dated 09 December 2006 issued by General Director, which is approved by the Ministry of Finance at the Official dispatch No.15192/BTC-CDKT dated 01 December 2006. The accounting documents and the ledger are in compliance with the Decision No.78/2003/QD-BTC dated 29 May 2003 issued by the Ministry of Finance.

2. Accounting period

The accounting period is from 01 January to 31 December annually.

3. Standard currency

The standard currency unit in use is Vietnam Dong (VND).

Transactions dominated in foreign currencies are exchanged into VND at the relevant exchange rates relating to each transaction. Foreign currency transactions are only recorded in off-balance sheet items including foreign currencies, outstanding ODA loans dominated in foreign currencies and others.

Deposit balances in foreign currencies at the end of each month are revaluated at the exchange rate disclosed monthly by the Ministry of Finance.

4. Accounting method in general:

The accounting method for interest on loans is based on the net receipts principle, and the method for expense of borrowings is based on the net proceeds principle (the cash-based accounting method).

For other transactions, the method in use is based on the accrued principle.

5. Accounting method of fixed assets

The usage, management and depreciation method of fixed assets is in compliance with the Decision No.206/2003/QD-BTC dated 12 December 2003 issued by the Ministry of Finance.

6. Accounting form

The accounting form is computer accounting. The accounting software is based on principles of the Journal accounting form.

BALANCE SHEETS

Unit: millions of VND

Items	Note	2006	2007
ASSETS			
Cash	1	5.999	9.672
Deposits	2	13.426.148	18.997.129
Operating Assets	3	96.196.730	110.373.909
Accounts Receivable	4	5.212.277	4.649.041
Fixed Assets	5	333.806	534.206
Other Assets	6	60.250	476.682
Total Assets		115.235.210	135.040.639
LIABILITIES AND EQUITY			
Deposits from State Treasury, Financial Institutions	7	1.428.608	271.909
Deposits from Customers	8	5.594.776	4.312.591
Borrowings from State Budget, Financial Institutions	9	23.193.210	17.316.350
Trust Funds	10	49.266.881	53.178.770
Bonds and Notes	11	25.753.000	49.588.000
Accounts Payable	12	2.035.282	2.201.976
Other Liabilities	13	760.340	792.659
Equity	14	5.387.927	5.782.332
Other Funds	15	1.016.952	880.114
Retained Earnings	16	798.234	715.938
Total Liabilities		115.235.210	135.040.639



STATEMENTS OF OPERATIONS

Unit: millions of VND

Items	Note	2006	2007
Interest on Loans	17	1.866.580	2.489.526
Interest on Deposits	18	690.061	1.657.654
Non-interest Revenues	19	1.905.776	1.202.760
Total Revenues		4.462.417	5.349.940
Interest on Borrowings	20	1.618.999	1.637.993
Interest on Deposits	21	497.066	515.812
Interest on Bonds and Notes	22	1.486.949	2.298.024
Non-interest Expenses	23	404.783	626.200
Total Expenses		4.007.797	5.078.029
Net Earnings		454.620	271.911

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS

1. Cash

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Cash	5.999	9.672
Cash in hand	5.999	9.672

2. Deposits

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Deposits	13.426.148	18.997.129
Deposits at State Bank of Vietnam	20.108	110.630
Deposits at financial institutions	13.406.040	18.886.499
+ Current deposits	2.956.283	4.388.026
+ Term deposits	10.449.757	14.498.473

3. Operating Assets

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Operating Assets	96.196.730	110.373.909
Short-term export credit	2.384.026	3.200.404
Overdue loans	103.088	45.352
Frozen loans		
State's lending programs	1.632.974	3.776.056
Overdue loans	0	1.000
Frozen loans		
Medium and long-term investment loans	44.370.434	51.527.521
Overdue loans	3.286.365	3.085.943
Frozen loans	353.024	1.499.936
Loans for importers	0	-
ODA on-lending	44.760.591	50.802.981
Overdue loans	193.481	275.974
Frozen loans	2.865	0
Loans in trust (*)	2.995.476	-
Overdue loans	94.284	-
Frozen loans	6.849	-
Other loans	53.229	1.066.947
Overdue loans	3.229	1.561
Frozen loans	0	0
Guarantees	0	0
Loans to be restructured		

(*): In 2007, Loans in trust was recorded in Liabilities & Equity side (negative record).



4. Accounts Receivable

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Accounts Receivable	5.212.277	4.649.041
Accounts receivable	1.244.836	1.031.752
+ Management fee and difference in interest rates from State budget	1.077.079	971.661
+ Other receivables	161.260	48.086
Advances	6.497	12.005
Receivable in payment activity (deferred credited amount, unbalanced ODA repayment to MOF...)	3.967.441	3.617.289

5. Fixed Assets

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Fixed Assets	333.806	534.206
<i>Tangible fixed assets</i>	<i>246.481</i>	<i>233.902</i>
Original price	453.528	468.766
Depreciation	-207.047	-234.864
<i>Financial leasing assets</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Original price	0	0
Depreciation	0	0
<i>Intangible fixed assets</i>	<i>87.325</i>	<i>300.304</i>
Original price	94.423	308.537
Depreciation	-7.098	-8.233

6. Others Assets

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Others Assets	60.250	476.682
Financial investments	3.000	3.000
Tools and other materials	77	84
Construction in progress	56.691	237.641
Prepaid expenses	482	957
Joint ventured assets	0	235.000

7.

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Deposits at State Treasury, Financial Institutions	1.428.608	271.909
Deposits at state treasury, financial institutions in VND	1.428.608	271.909
Deposits from state treasury, financial institutions in foreign currencies	0	0

8.

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Deposits from customers	5.594.776	4.312.591
Current Deposits from customers	5.594.776	4.233.580
Deposits from domestic customers in VND	5.594.776	4.233.580
Deposits from domestic customers in foreign currencies	0	0
Deposits from foreign customers in foreign currencies	0	0
Downpayment deposits (*)	-	79.011

(*): In 2006, recorded in Other Assets.



9.

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Borrowings from state budget, financial institutions	23.193.210	17.316.350
Borrowings from state budget	7.307.340	4.643.289
Borrowings from domestic financial institutions	15.885.870	12.673.061
Borrowings from international financial institutions	0	0

10.

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Trust funds	49.266.881	53.178.770
ODA funds for on lending	48.415.143	54.349.107
FX gain of ODA fund	303.902	375.644
Post investment trust fund	-120.124	-5.168
+ Trusted fund	253.321	478.945
+ Disbursement	-373.445	-484.113
Trust funds for disbursement	102.826	-138.669
+ Trusted fund	17.234.901	18.354.391
+ Disbursement	-17.132.075	-18.493.060
Trust funds for lending (*)	565.134	-1.402.144
+ Trusted fund	-	8.914.580
+ Disbursement	-	-10.316.724

(*): In 2006 recorded in as Outstanding of Trust lending on Assets side.

11.

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Bonds and Notes	25.753.000	49.588.00
<i>Bonds and notes in VND</i>	<i>25.753.000</i>	<i>49.588.000</i>
Face value	25.753.000	49.588.000
Change in price	0	0
Discount price	0	0
<i>Bonds and notes in foreign currencies</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Face value	0	0
Current price	0	0
Discount price	0	0

12. Accounts Payable

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Accounts Payable	2.035.282	2.201.976
Accounts Payable	2.012.474	2.197.614
Dividends and interests	0	0
Interests and fees payable to trust funds	2.745	2.082.773
Payable to customers	2.726	3.952
Payable to employees	70.762	71.228
Payable to state budget	1.919.199	1.326
Other payable	17.042	38.335
Accounts payable in settlement	22.808	4.362



13. Other Liabilities

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Other Liabilities	760.340	792.659
Money held for settlement	163.626	28.095
Provision fund for loan losses	473.118	668.765
Reserve fund for unemployment	-	56.266
Downpayment deposits (*)	123.596	-
Other liabilities	-	39.532

(*): In 2007, recorded as Deposits from customers.

14. Owner's Equity

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Owner's Equity	5.387.927	5.782.332
Chartered capital	5.006.878	5.148.369
Construction capital	10.110	19.610
Other owner's capital	370.939	614.354

15. Owner's Funds

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Owner's Funds	1.016.952	880.114
Fund for chartered capital increase	0	0
Fund for development	927.053	880.114
Other funds	89.899	-

(*): In 2007, Reserve fund for unemployment, Reward fund, welfare fund recorded in Other Liabilities.

16. Retained Earnings

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Retained Earnings	798.234	715.938
Retained earnings last year	343.614	466.026
Retained earnings this year	454.620	249.911

17. Interest On Loans

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Interest On Loans	1.866.580	2.489.526
Interest on short-term export loans	157.573	133.395
Interest on medium and long-term loans	1.675.290	2.193.467
Interest from State's Special lending program	22.726	39.802
Other interests	10.991	122.862

18. Interest On Deposits

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Interest On Deposits	690.061	1.657.654
Interest on current accounts	116.677	62.039
Interest on term deposits	573.384	1.595.615

19. Non-Interest Revenues

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Non-Interest Revenues	1.905.776	1.202.760
Revenues from interest difference compensations and management fee (*)	1.586.475	1.064.017
Guarantee fee	90	50
Settlement fee	1.616	2.841
Fees from treasury services	0	0
Fees from trust funds	303.865	113.650
Fees from other services	0	2.825
Other incomes	13.730	19.377

(*): ODA management fees excluded



20. Interest payment

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Interest payment	1.618.999	1.637.993
Interest payment of short-term borrowings	247.828	232.925
Interest payment of medium and long-term borrowings	1.370.145	1.405.068
Interest and commitment fees payment of SME credit line	1.026	-

21. Interest Expenses on Deposits

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Interest Expenses on Deposits	497.066	515.812
Interest on current accounts	42.082	26.979
Interest on other demand deposits	5.439	7.968
Interest on term deposits	449.545	480.865
Interest on other term deposits	0	0

22. Interest On Bonds and Notes

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Interest On Bonds and Notes	1.486.949	2.298.024
Interest on bonds	1.486.949	2.298.024

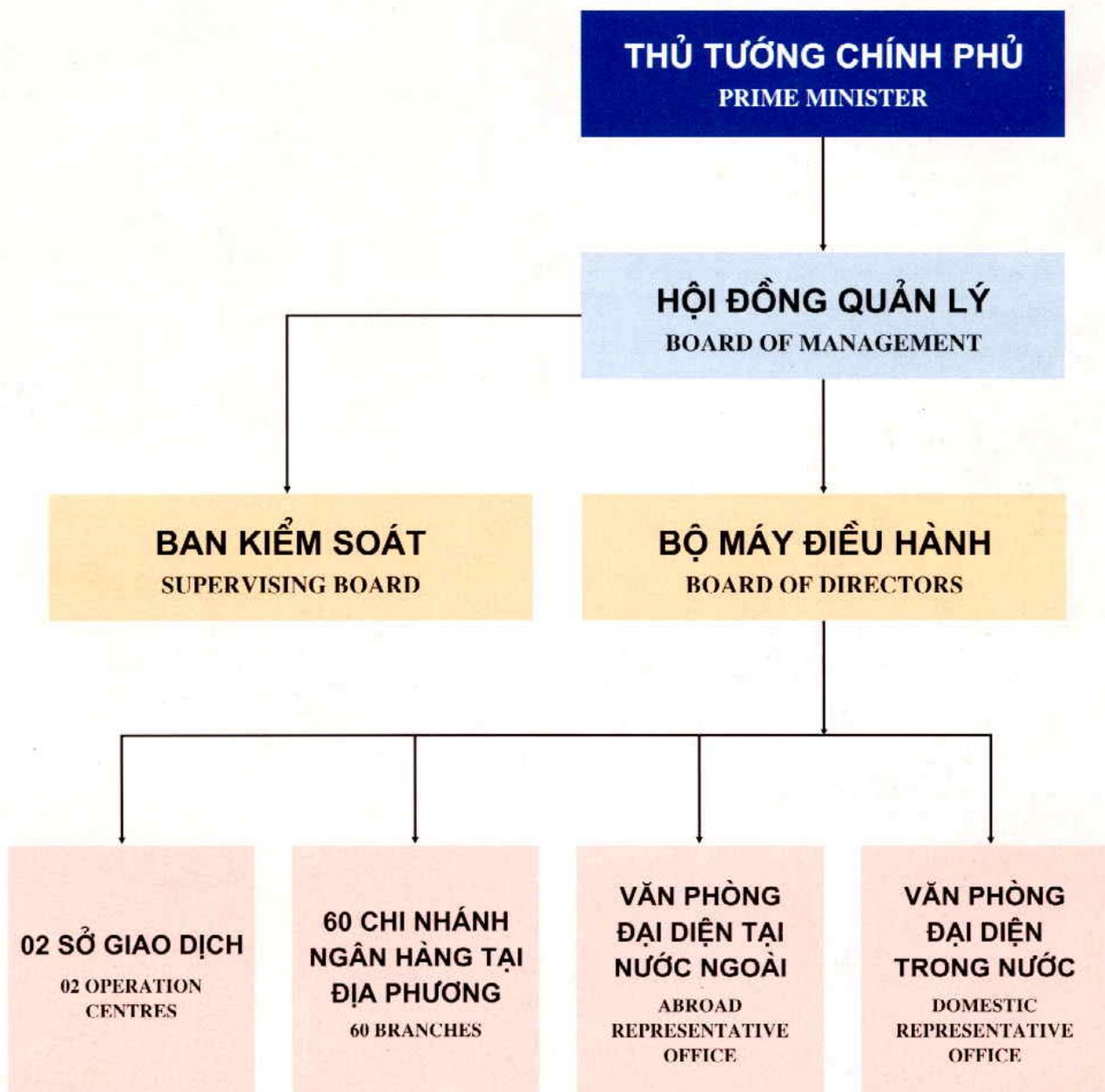
23. Non-Interest Expenses

Unit: millions of VND

Items	2006	2007
Non-Interest Expenses	404.783	626.200
Other costs of fund mobilizing	19.760	35.477
Costs for settlement and treasury services	3.564	959
Costs for taxation and fees	0	331
Other operating costs	449	8.787
Employee-related expenses	169.025	203.741
Administration cost	73.057	86.657
Depreciation cost	35.986	36.502
Provision	100.755	253.090
Other costs	2.187	656

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Organization Chart





■ **Trụ sở chính:**

Ngân hàng Phát triển Việt Nam:
25A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 84-04.37365659 - 37365671 * 84-04.37365672

■ **Head Office of VDB:**

25A Cat Linh Str., Dong Da Dist., Hanoi

Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Vietnam Development Bank